

BÀN VỀ KẾ TOÁN CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI TRONG CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM

Th.s Nguyễn Thanh Hiếu, TS. Nguyễn Hữu Ánh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp trong nước đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần đồng thời phát hành nhiều loại cổ phiếu, bao gồm cả cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi để thu hút vốn của các nhà đầu tư. Có thể nói, cổ phiếu ưu đãi là một loại chứng khoán phức hợp bởi chúng có những điểm vừa giống cổ phiếu phổ thông, vừa giống trái phiếu. Luật doanh nghiệp của Việt Nam ban hành năm 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2009 đã có các Điều khoản qui định về các loại cổ phiếu trong đó có cổ phiếu ưu đãi, đồng thời Chế độ kế toán Việt Nam cũng đã có hướng dẫn kế toán các nghiệp vụ liên quan đến cổ phiếu nói chung, tuy nhiên vấn đề kế toán cổ phiếu ưu đãi áp dụng trong các công ty cổ phần và các tổ chức tín dụng còn tồn tại những bất cập. Do vậy, trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một vài đề xuất về kế toán cổ phiếu ưu đãi áp dụng cho các công ty cổ phần cũng như các tổ chức tín dụng dựa trên các đặc điểm của loại cổ phiếu đặc biệt này. Kết cấu bài viết bao gồm bốn phần chính ngoài lời giới thiệu và kết luận: (1) Đặc điểm và phân loại cổ phiếu theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam; (2) Chế độ Kế toán Việt Nam về cổ phiếu ưu đãi áp dụng cho các công ty cổ phần; (3) Kế toán cổ phiếu ưu đãi trong các tổ chức tín dụng ở Việt Nam; và (4) Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán cổ phiếu ưu đãi trong các công ty cổ phần và tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

1. Đặc điểm và phân loại cổ phiếu theo Luật doanh nghiệp Việt Nam

Lịch sử ra đời của cổ phiếu gắn liền với lịch sử hình thành loại hình công ty cổ phần bởi cổ phiếu chính là sản phẩm riêng có của các công ty này; vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và người mua cổ phần được gọi là cổ đông. Cổ đông được cấp một giấy xác nhận sở hữu cổ phần gọi là cổ phiếu và cổ phiếu là bằng chứng, là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với công ty cổ phần; quyền sở hữu của cổ đông trong công ty cổ phần tương ứng với số lượng cổ phần mà cổ đông nắm giữ. Do đó, cổ phiếu còn được gọi là chứng khoán vốn.

Nhiều công ty cổ phần trước đây đã nhận thấy việc phát hành cổ phiếu có nhiều ưu điểm bởi lẽ họ cho rằng công ty huy động vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu thì nguồn vốn huy động đó không cấu thành một khoản nợ mà công ty phải có trách nhiệm hoàn trả cũng như chịu áp lực về khả năng cân đối thanh toán của công ty sẽ giảm rất nhiều so với việc

sử dụng các phương thức khác như phát hành trái phiếu công ty, vay nợ từ các tổ chức tín dụng... Tuy nhiên, với sự phát triển của các loại cổ phiếu, không phải mọi loại cổ phiếu đều không cấu thành một khoản nợ hoặc nói chung là một nghĩa vụ phải trả của công ty cổ phần. Điều này sẽ được thấy rõ khi tiến hành phân loại cổ phiếu theo các tiêu chí khác nhau như sau:

- **Căn cứ vào trạng thái cổ phiếu:** cổ phiếu được chia thành cổ phiếu được phép phát hành, cổ phiếu đã phát hành, cổ phiếu quỹ, cổ phiếu đang lưu hành.

- **Căn cứ vào hình thức cổ phiếu:** cổ phiếu bao gồm cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu vô danh; trong đó, cổ phiếu ghi danh có đặc điểm là việc chuyển nhượng phức tạp phải đăng ký tại cơ quan phát hành và phải được Hội đồng quản trị công ty cho phép.

- **Căn cứ vào quyền lợi mà cổ phiếu đưa lại cho người nắm giữ:** cổ phiếu bao gồm cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu thường) và cổ phiếu ưu đãi. Đây là cách phân loại cổ phiếu phổ biến nhất và khi nói đến

cổ phiếu mà một công ty phát hành, người ta thường đề cập đến hai loại cổ phiếu này bởi chúng gắn liền với quyền lợi của các cổ chủ cũng như có những đặc điểm mà cả công ty cũng như các nhà đầu tư đều quan tâm. Do vậy, bài viết này tập trung vào tìm hiểu đặc điểm của hai loại cổ phiếu này từ đó đưa ra đề xuất liên quan đến phương pháp kế toán cổ phiếu, đặc biệt là cổ phiếu ưu đãi.

Điều 78 của Luật doanh nghiệp Việt Nam ban hành năm 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2009 đã quy định công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông và người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông. Cổ phiếu phổ thông là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với công ty và xác nhận cho phép cổ đông được hưởng các quyền lợi thông thường trong công ty như được tham gia họp Đại hội đồng cổ đông và được bỏ phiếu quyết định những vấn đề quan trọng nhất của công ty, được quyền bầu cử và ứng cử vào Hội đồng Quản trị của công ty. Không giống như các khoản vay nợ, cổ phiếu phổ thông của công ty cổ phần không có thời hạn hoàn trả và cổ đông được chia phần giá trị tài sản còn lại khi giải thể công ty sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ phải trả và thanh toán cho các cổ đông ưu đãi. Ngoài ra, khi sở hữu cổ phiếu phổ thông thì cổ đông được quyền ưu tiên mua cổ phiếu khi công ty phát hành cổ phiếu mới và họ được chia lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh thông qua cổ tức và/hoặc phần giá trị tài sản tăng thêm của công ty theo giá thị trường khi công ty có lãi, nếu công ty hoạt động thua lỗ thì không những không được chia cổ tức mà vốn góp của họ trong công ty có thể bị đe dọa. Mặc dù khi mua cổ phiếu thường, cổ đông phổ thông phải bỏ ra một số tiền để mua theo giá công ty phát hành nhưng số tiền này không phải là căn cứ để nhận lãi hoặc hoàn vốn khi công ty giải thể vì công ty không đảm bảo trả lại cho cổ đông đúng số tiền này.

Cũng theo Điều 78 Luật doanh nghiệp quy định, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi chung là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại: Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty quy định. Cổ phiếu ưu đãi là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu

trong một công ty cổ phần đồng thời cho phép người nắm giữ loại cổ phiếu này được hưởng một số quyền lợi ưu tiên hơn so với cổ đông phổ thông; người nắm giữ cổ phiếu ưu đãi được gọi là cổ đông ưu đãi của công ty. Người sở hữu cổ phiếu ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết nhiều hơn người sở hữu cổ phần phổ thông, được biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết do điều lệ công ty quy định. Ngoài ra họ cũng có các quyền giống như cổ đông phổ thông như được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào công ty... Người sở hữu cổ phiếu ưu đãi hoàn lại có quyền yêu cầu công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của họ hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Khác với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, ban kiểm soát... *Từ đó có thể thấy khi công ty cổ phần phát hành loại cổ phiếu ưu đãi này sẽ tạo nên một nghĩa vụ phải trả đối với công ty, chúng giống như phát hành trái phiếu.*

Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức cổ tức ổn định hàng năm bao gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng; cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty cổ phần nghĩa là ngay cả khi công ty thua lỗ thì những cổ đông ưu đãi cổ tức vẫn được nhận cổ tức (chỉ sau trái phiếu). Khác với cổ phiếu phổ thông, mệnh giá của cổ phiếu ưu đãi rất quan trọng vì chúng là căn cứ để trả cổ tức và là căn cứ để hoàn vốn khi thanh lý công ty. Khi giải thể hay thanh lý công ty, cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức được quyền ưu tiên thanh toán trước phần vốn của họ (chỉ sau trái phiếu) và mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Lợi ích lớn nhất khi sở hữu cổ phiếu ưu đãi là nhà đầu tư có khả năng thu hồi phần tài sản của công ty lớn hơn cổ đông thường. Người ta có thể phân loại cổ phiếu ưu đãi ra thành nhiều loại khác nhau như cổ phiếu ưu đãi tích lũy, cổ phiếu ưu

đãi không tích lũy, cổ phiếu ưu đãi không tham dự

Cổ phiếu ưu đãi tích lũy là loại cổ phiếu ưu đãi có tính chất đảm bảo thanh toán cổ tức cho các cổ đông; khi công ty gặp khó khăn, không thanh toán được hoặc chỉ thanh toán một phần cổ tức, số chưa thanh toán đó được tích lũy hay cộng dồn và công ty phải trả số cổ tức này trước khi công bố trả cổ tức cho cổ đông thường. Hầu hết cổ phiếu ưu đãi của các công ty là loại cổ phiếu ưu đãi tích lũy và không tham dự, cổ phiếu ưu đãi có thể mua lại, cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi.

Cổ phiếu ưu đãi không tích lũy: là loại cổ phiếu ưu đãi mà khi công ty gặp khó khăn không trả được cổ tức trong năm tài chính, thì cổ đông ưu đãi đó cũng mất quyền nhận số cổ tức trong năm đó. *Cổ phiếu ưu đãi tham dự* là loại cổ phiếu ưu đãi mà cổ đông nắm giữ chúng, ngoài việc hưởng cổ tức ưu đãi theo quy định còn được hưởng thêm phần lợi tức phụ trội theo quy định khi công ty kinh doanh có lợi nhuận cao. *Cổ phiếu ưu đãi không tham dự* là loại cổ phiếu ưu đãi mà cổ đông nắm giữ chúng chỉ được hưởng cổ tức ưu đãi cố định theo quy định, ngoài ra không được hưởng thêm bất cứ phần lợi nhuận nào. *Cổ phiếu ưu đãi có thể mua lại* là loại cổ phiếu ưu đãi mà công ty có quyền thu hồi lại. Công ty phát hành có quyền yêu cầu mua lại cổ phiếu này vào bất cứ lúc nào, khi công ty có khả năng tài chính. Giá mua lại được xác định từ thời điểm phát hành, giá này thường tính bằng mệnh giá của cổ phiếu ưu đãi cộng thêm phần có tính chất đền bù cho các nhà đầu tư khi công ty mua lại loại cổ phiếu ưu đãi này. *Cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi* là loại cổ phiếu ưu đãi cho phép người mua có quyền chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi này sang các loại chứng khoán khác.

2. Kế toán cổ phiếu ưu đãi trong các công ty cổ phần theo Chế độ Kế toán Việt Nam

Khác với Luật doanh nghiệp, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 30– Lãi trên cổ phiếu) lại đưa ra khái niệm về các loại cổ phiếu theo quan điểm sở hữu tài chính. Theo đó, cổ phiếu phổ thông được chia thành cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu phổ thông tiềm năng, cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện. Cụ thể, cổ phiếu phổ thông là công cụ vốn mang lại cho người sở hữu quyền lợi tài chính sau tất cả các công cụ vốn khác. Cổ phiếu phổ thông

tiềm năng là công cụ tài chính hoặc một hợp đồng khác cho phép người sở hữu có được cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện là cổ phiếu phổ thông có thể được phát hành, thu ít tiền hoặc không thu tiền mặt hoặc dựa trên việc thỏa mãn một số điều kiện nhất định của thỏa thuận cổ phiếu có điều kiện.

Có thể nói cổ phiếu ưu đãi là một loại chứng khoán phức hợp có những điểm vừa giống cổ phiếu thường, vừa giống trái phiếu. Cổ phiếu ưu đãi giống trái phiếu ở hai điểm: Một là, mệnh giá của cổ phiếu ưu đãi: khác với mệnh giá thường chỉ có giá trị danh nghĩa, mệnh giá cổ phiếu ưu đãi rất quan trọng, có ý nghĩa trong việc chia cổ tức cố định. Hai là, cổ tức của cổ phiếu ưu đãi: cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được ấn định theo một tỷ lệ cố định trên mệnh giá. Bên cạnh đó, cổ phiếu ưu đãi cũng có những đặc điểm của cổ phiếu vì phần vốn góp qua việc mua loại cổ phiếu này là vĩnh viễn không được hoàn trả.

Mặc dù cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi có nhiều đặc điểm khác nhau như đã phân tích ở trên nhưng theo Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành việc thực hiện kế toán hai loại cổ phiếu này lại giống nhau (từ ghi nhận nghiệp vụ phát hành cổ phiếu đến việc phản ánh trả cổ tức cho cổ đông). Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang hướng dẫn ghi giá trị cổ phiếu vào mục vốn chủ sở hữu và ghi lãi phải trả cho cổ đông ưu đãi làm giảm lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp. Cụ thể, về tài khoản sử dụng, Chế độ Kế toán sử dụng TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh để phản ánh giá trị cổ phiếu phát hành trong đó được chi tiết thành TK 4111 - Mệnh giá cổ phiếu và TK 4112 - Thặng dư vốn cổ phần để phản ánh phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Về trình tự kế toán một số nghiệp vụ liên quan đến cổ phiếu như sau:

- *Khi nhận tiền mua cổ phiếu của cổ đông*

Nợ TK 111, 112: Giá phát hành

Nợ/Có TK 4112: Thặng dư vốn cổ phần

Có TK 411: Mệnh giá cổ phần

- *Định kỳ trả cổ tức cho các cổ phiếu:*

Nợ TK 421: Mức cổ tức trả cho các cổ phiếu

Có TK 111, 112: Nếu trả bằng tiền mặt, tiền

gửi ngân hàng

- *Khi thu hồi cổ phiếu:*

Nợ TK 419: Cổ phiếu quỹ - Ghi theo giá mua lại

Nợ TK 411: Thu hồi để hủy bỏ ngay - Ghi theo mệnh giá

Nợ / Có TK 4112: Thặng dư vốn cổ phần – Do chênh lệch giữa giá mua lại và mệnh giá

Có TK 111, 112: Trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu” quy định: “Cổ tức trả cho cổ phiếu ưu đãi được trừ khỏi lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu bao gồm cổ tức của cổ phiếu ưu đãi không lũy kế được thông báo trong kì báo cáo và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế phát sinh trong kì báo cáo (kể cả trường hợp chưa được thông báo)”. Điều này có nghĩa Chế độ Kế toán Doanh nghiệp coi việc trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi cổ tức là nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra cũng theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30, doanh nghiệp có thể mua lại cổ phiếu ưu đãi từ người sở hữu. Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi là lợi ích của người sở hữu cổ phiếu ưu đãi và là khoản giảm trừ vào lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp.

3. Kế toán cổ phiếu ưu đãi trong các tổ chức tín dụng ở Việt Nam

Theo Chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng phát hành cổ phiếu, cổ phiếu ưu đãi là một loại chứng khoán vốn, khi hạch toán đối với cổ phiếu ưu đãi thì tổ chức tín dụng phải tách biệt phần giá trị Nợ và phần giá trị Vốn của cổ phiếu ưu đãi để phản ánh lên các Tài khoản 487 và Tài khoản 65.

Tài khoản 487 – Cấu phần Nợ phải trả của cổ phiếu ưu đãi dùng để phản ánh giá trị cấu thành phần Nợ phải trả của cổ phiếu ưu đãi do tổ chức tín dụng phát hành. Việc kế toán trên tài khoản 487 thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng Nhà nước. Khi thực hiện kế toán trên tài khoản này cần thực hiện các quy định sau:

Thứ nhất, cổ phiếu ưu đãi là công cụ tài chính phức hợp gồm gồm hai cấu phần (cấu phần Nợ và

cấu phần Vốn chủ sở hữu) và việc phát hành cổ phiếu ưu đãi phải được tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Thứ hai, Việc tách hai cấu phần Nợ phải trả và cấu phần Vốn chủ sở hữu trong việc hạch toán kế toán được thực hiện theo quy định của ngân hàng Nhà nước

Thứ ba, Chi hạch toán trên tài khoản này giá trị cấu phần Nợ phải trả của cổ phiếu ưu đãi do tổ chức tín dụng phát hành

Tài khoản 65 – Cổ phiếu ưu đãi là phản ánh giá trị cấu phần vốn chủ sở hữu của cổ phiếu ưu đãi do tổ chức tín dụng phát hành. Theo qui định hiện hành, tài khoản này chỉ được mở và sử dụng khi cơ chế tài chính cho phép hoặc có quy định cụ thể về cơ chế nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước và giá trị cổ phiếu ưu đãi được hạch toán trên tài khoản này là mệnh giá trong trường hợp không phát sinh phần giá trị được ghi nhận vào cấu phần Nợ của cổ phiếu ưu đãi. Trường hợp có phát sinh phần giá trị cấu phần Nợ, giá trị cổ phiếu hạch toán trên tài khoản này là mệnh giá trừ đi phần giá trị hạch toán vào cấu phần Nợ của cổ phiếu ưu đãi

4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán cổ phiếu ưu đãi trong các công ty cổ phần ở Việt Nam

Theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (IAS 39: Công cụ tài chính) yêu cầu tổ chức phát hành cổ phiếu phải phân loại giá trị cổ phiếu ưu đãi thành Nợ phải trả tài chính hoặc Vốn chủ sở hữu để phù hợp với bản chất và định nghĩa của Nợ phải trả tài chính và Vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, việc trả cổ tức đối với cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận là chi phí tài chính mà không ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối của công ty

Xuất phát từ việc nghiên cứu bản chất của cổ phiếu và thực tế kế toán cổ phiếu ưu đãi mà Nhà nước đã quy định đối với kế toán cổ phiếu ưu đãi ta thấy với cùng một công cụ tài chính sử dụng (phát hành cổ phiếu ưu đãi), trong cùng một quốc gia nhưng kế toán tại doanh nghiệp phát hành cổ phiếu với kế toán tại các tổ chức tín dụng phát hành cổ phiếu đang có sự khác biệt rất lớn và sự khác biệt này không nên tồn tại theo quan điểm của bài viết.

Từ đó chúng tôi xin đề xuất phương pháp kế toán phát hành và thanh toán cho cổ phiếu theo hướng đối với cổ phiếu phổ thông thì tuân thủ theo phương pháp kế toán đã quy định ở trên, đối với cổ phiếu ưu đãi hoàn lại thì phải coi đây là một loại chứng khoán nợ và việc thanh toán lãi cho cổ phiếu ưu đãi được coi như chi phí tài chính (ghi nhận vào TK 635) mà không phải ghi giảm lợi nhuận của doanh nghiệp trên tài khoản 421 như hiện nay và hướng đề xuất này cũng phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (IAS 39) “Công cụ tài chính”. Các đề xuất cụ thể xin được trình bày dưới đây:

Đề xuất 1: Về tài khoản sử dụng

Thứ nhất, bổ sung TK 371 “Cổ phiếu ưu đãi hoàn lại” vào TK loại 3 “Nợ phải trả”

TK 371 được sử dụng để phản ánh tình hình phát hành và thanh toán cổ phiếu ưu đãi và giá trị hiện có của cổ phiếu ưu đãi của công ty đang lưu hành

Căn cứ ghi nhận vào TK 371 này là giá phát hành cổ phiếu của công ty.

Kết cấu TK 371 “Cổ phiếu ưu đãi hoàn lại” như sau:

Bên Nợ: Thanh toán cổ phiếu ưu đãi

Bên Có: Phát hành cổ phiếu ưu đãi

Số dư Bên Có: Phản ánh giá trị cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành

Thứ hai, bổ sung nội dung phát sinh của TK 635 “Chi phí tài chính” thêm nội dung: Trả lãi cổ phần cho cổ phiếu ưu đãi.

Đề xuất 2: Về trình tự kế toán:

- Khi phát hành cổ phiếu ưu đãi hoàn lại, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: Theo giá phát hành

Có TK 371: Theo giá phát hành

- Khi phát hành cổ phiếu ưu đãi khác ngoài cổ phiếu ưu đãi hoàn lại, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 ...: Theo giá phát hành

Có TK 411(1): Mệnh giá

Nợ TK 411(2): Thặng dư vốn cổ phần – trường hợp giá phát hành thấp hơn mệnh giá

Hoặc Có TK 411 (2): Thặng dư vốn cổ phần – trường hợp giá phát hành cao hơn mệnh giá

- Định kỳ trả cổ tức cho các loại cổ phiếu ưu đãi, kế toán ghi:

Nợ TK 635: Mệnh Giá * tỷ lệ trả cổ tức

Có TK 111, 112, 338: Mệnh Giá * tỷ lệ trả cổ tức

- Khi hoàn lại vốn cho cổ phiếu ưu đãi hoàn lại, kế toán ghi:

Nợ TK 371: Giá trị vốn cổ phần đã được hoàn lại

Có TK 111, 112 ...: Giá trị vốn cổ phần đã được hoàn lại

Kết luận

Trên đây là một số ý kiến đề xuất của chúng tôi về phương pháp kế toán cổ phiếu ưu đãi áp dụng cho các công ty cổ phần và các tổ chức tín dụng ở Việt Nam với mong muốn các nhà làm chính sách tham khảo và nhanh chóng sửa đổi và ban hành các văn bản chính thức hướng dẫn cụ thể về công tác kế toán về vấn đề này, qua đó tăng cường sự hội nhập của kế toán Việt Nam với thông lệ kế toán quốc tế cũng như để đảm bảo kế toán cổ phiếu ưu đãi phản ánh đúng bản chất của chúng góp phần nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán trong các báo cáo tài chính của các công ty cổ phần cũng như các tổ chức tài chính ở Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo:

1. Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 32, 39.
2. Quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.
3. Thông tư 244/2009/ TT – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.
4. Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã sửa đổi bổ sung năm 2009.
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS số 30: Lãi trên cổ phiếu.